

**Nhóm ngân hàng suy yếu và áp lực giảm đã quay trở lại**

Thị trường tiếp tục có thêm phiên giảm điểm tiếp diễn với mức độ giảm nhẹ và thanh khoản vẫn duy trì tốt. Diễn biến giao dịch trong phiên khá tẻ khi các chỉ số tăng tốt thời gian đầu phiên và tạo các đỉnh thấp hơn trong phiên rồi suy yếu nhanh vào cuối phiên với mức đóng cửa thấp nhất. VNIndex đóng cửa giảm 6.5 điểm (0.7%) với thanh khoản toàn thị trường đạt hơn 5.200 tỷ vẫn là mức thanh khoản tốt so với trung bình trong những phiên gần đây. Sự phân hóa vẫn diễn ra khá mạnh với nhóm cổ phiếu lớn đa số giảm giá trong khi đó dòng tiền vẫn tập trung tìm kiếm cơ hội ở nhiều cổ phiếu nhỏ và chấp nhận các rủi ro tiềm ẩn khiến các cổ phiếu này tăng ngược chiều

Nhóm cổ phiếu ngân hàng diễn biến rất tẻ trong phiên hôm nay và đây là phiên điều chỉnh thứ 3 với nhiều cổ phiếu nhóm ngành này. Các đợt tăng giá của nhóm ngân hàng tỏ ra khá yếu khi không thu hút được dòng tiền nhập cuộc hỗ trợ cho đà tăng và nhóm này đã quay đầu giảm tương đối mạnh trong phiên chiều nay khi bên bán tỏ ra mất kiên nhẫn với đà dẫn đầu của BID, VCB, CTG, ACB, MBB, HDB....Dấu hiệu của phiên giao dịch hôm nay cho thấy nhiều cổ phiếu nhóm ngành ngân hàng sẽ có áp lực quay trở lại test vùng đáy đã thiết lập vào đầu tháng 7 vừa qua. Nhóm ngành chứng khoán, bất động sản, xây dựng, bán lẻ đa số cũng có diễn biến giảm tương tự theo áp lực thị trường chung. Điểm tích cực là mức độ phân hóa vẫn diễn ra với nhiều cổ phiếu trụ được đà tăng nhẹ như MSN, HPG, FPT và các cổ phiếu vốn hóa nhỏ tăng trần khá nhiều. Tuy nhiên, mọi thứ đang diễn ra khá giống với thời điểm tháng 6/2018 vừa qua khi sau nhịp hồi phục các cổ phiếu lớn hết động lực tăng và điều chỉnh trong khi dòng tiền mạo hiểm vào các cổ phiếu nhỏ nhưng sau đó thị trường giảm mạnh do các cổ phiếu lớn tạo ra thì nhóm cổ phiếu nhỏ cũng không có nhiều cơ hội trụ vững

Khối ngoại giao dịch ở qui mô trung bình và vẫn bán ròng 190 tỷ trên sàn HOSE. Giao dịch bán ròng tập trung vào VRE với 3.5 triệu cổ phiếu, HPG 1.4 triệu cổ phiếu và PVD, DPM, DIG, SSI, VCB cũng bị bán ròng nhẹ. Ở chiều mua khối này tích cực mua ròng VNM, MSN, DXG, BID..Điều đáng lưu ý là mức độ bán ròng của khối ngoại vẫn ở qui mô vừa phải nhưng số lượng cổ phiếu bị bán ròng đang mở rộng dần và tạo áp lực đáng kể lên bình diện chung của thị trường thay vì tập trung vào vài cổ phiếu riêng biệt như các phiên trước đây

Chúng tôi cho rằng nhiều cổ phiếu lớn và thị trường chung đã để mất lợi thế ngắn hạn để hồi tiếp diễn sau phiên hôm nay và rủi ro quay lại test vùng đáy cũ với các cổ phiếu và các chỉ số đã quay trở lại. Do đó, chiến thuật hợp lý vẫn là thu hẹp danh mục và quan sát các cổ phiếu phản ứng ở vùng đáy ngắn hạn để cân nhắc quyết định mua vào trở lại bởi nhiều cổ phiếu sẽ lại về vùng giá hấp dẫn cho các nhà đầu tư trung hạn

Thông kê	HOSE	HNX
Đóng cửa	927.6	103.6
% Thay đổi	-0.70	-1.86
Khối lượng	232.7	47.1
Giá trị (tỷ đồng)	4,592.5	482.7
Số mã tăng	146	84
Số mã giảm	135	91
Không thay đổi	79	209

Hàng hóa & Tiền tệ	Giá đóng cửa	%chg
Gold(USD/Oz)	1,235	0.23
WTI Oil (\$/B) 1Mth	70	0.36
Brent Oil (\$/B) 1Mth	75	0.92
USDVND	23,185	0.23
EURVND	26,988	0.60



Nhóm ngành (VNIndex)	Tỷ trọng Index (%)	Thay đổi giá (%)	P/E x	P/B x
Tiêu dùng thiết yếu	2.86	-1.00%	15.79	3.98
Thực phẩm và đồ uống	19.72	-0.28%	26.47	7.63
Năng lượng	2.99	0.12%	18.61	2.78
Tài chính	25.86	-1.96%	14.69	2.46
Y tế	1.12	-0.43%	19.53	3.35
Công nghiệp	7.55	-0.40%	14.93	3.41
Công nghệ thông tin	1.02	0.37%	8.71	2.08
Vật liệu và hóa chất	4.69	0.34%	9.74	1.76
Bất động sản	26.70	0.02%	49.74	5.24
Dịch vụ tiện ích	7.01	-1.14%	13.74	3.33

Thị trường Khu vực	Giá đóng cửa	Thay đổi giá (%)	P/E x	P/B x	Vốn hóa Tỷ US\$
China	3,577.8	-0.11%	13.58	1.75	4,107.8
India	11,132.0	-0.02%	22.66	3.15	1,172.2
Indonesia	5,933.9	0.03%	20.37	2.27	464.8
Laos	895.2	-2.02%	6.75	0.36	1.2
Malaysia	1,765.4	0.09%	18.26	1.87	272.2
Philippines	7,514.0	0.90%	19.14	2.10	175.3
Taiwan	11,010.5	0.41%	14.56	1.71	1,071.3
Thailand	1,690.1	0.95%	16.85	1.99	513.7
<b>Vietnam</b>	<b>927.6</b>	<b>-0.70%</b>	<b>16.74</b>	<b>2.53</b>	<b>127.2</b>

Nguồn: Bloomberg

HOSE					
Top ảnh hưởng nhất tới INDEX - chiều tăng VND					
CP	Giá đóng cửa	+/- (VND)	%thay đổi giá	Khối lượng	Đóng góp vào Index
####	80,500	#NAME?	1.8	1.01MLN	0.524
VCB	57,000	-1,700	0.7	1.68MLN	0.463
VIC	104,500	-100	0.5	1.49MLN	0.424
ROS	44,550	-1,550	3.4	741,780	0.265
HNG	16,500	-100	6.5	3.30MLN	0.247

HNX					
Top ảnh hưởng nhất tới INDEX - chiều tăng VND					
CP	Giá đóng cửa	+/- (VND)	%thay đổi giá	Khối lượng	Đóng góp vào Index
#####	17,600	#NAME?	4.8	12.31MLN	0.194
PGS	35,000	0	6.1	110	0.071
CEO	13,200	-600	1.5	1.03MLN	0.020
HHC	59,500	0	4.0	400	0.012
VCG	16,600	-300	0.6	841,861	0.012

Top ảnh hưởng nhất tới INDEX - chiều giảm VND					
CP	Giá đóng cửa	+/- (VND)	%thay đổi giá	Khối lượng	Đóng góp vào Index
####	106,500	#NAME?	-1.2	52,950	-1.121
HPG	35,400	100	-4.2	12.25MLN	-1.060
VPB	26,800	-500	-2.6	3.68MLN	-0.546
HDB	34,000	-500	-3.4	1.17MLN	-0.379
VJC	137,600	-1,600	-1.7	736,570	-0.349

Top ảnh hưởng nhất tới INDEX - chiều giảm VND					
CP	Giá đóng cửa	+/- (VND)	%thay đổi giá	Khối lượng	Đóng góp vào Index
#####	35,200	#NAME?	-1.4	4.80MLN	-0.419
PTI	21,600	-1,900	-9.6	100	-0.050
TTB	22,000	-1,700	-4.8	505,843	-0.036
API	26,000	-1,300	-6.1	1,000	-0.030
NTP	42,700	-400	-1.8	2,041	-0.027

Thanh khoản cao nhất					
CP	Giá đóng cửa	+/- (VND)	%thay đổi giá	GTGD (tỷ đồng)	Đóng góp vào Index
####	7,080	#NAME?	7.0	20.36MLN	0.137
FLC	5,590	390	0.5	12.99MLN	0.086
HPG	35,400	100	-4.2	12.25MLN	0.068
STB	11,400	-200	-3.0	5.42MLN	-0.121
MBB	22,600	-600	-1.1	4.72MLN	-0.350

Thanh khoản cao nhất					
CP	Giá đóng cửa	+/- (VND)	%thay đổi giá	GTGD (tỷ đồng)	Đóng góp vào Index
#####	17,600	#NAME?	4.8	12.31MLN	#NAME?
VIG	1,800	-100	-5.3	10.82MLN	0.000
SHB	8,000	-100	0.0	4.92MLN	0.000
ACB	35,200	-1,200	-1.4	4.80MLN	0.000
KLF	2,100	200	0.0	2.90MLN	0.000

Nguồn: Bloomberg 25/07/18

**TIN DOANH NGHIỆP**

**DIG - VCSC mua thêm 11 triệu cp, trở thành cổ đông lớn - CTCP Chứng khoán Bản Việt (VCSC) vừa thông báo hoàn tất mua 11 triệu cổ phiếu Tổng CTCP Đầu tư Phát triển Xây dựng (HOSE: DIG) trong thời gian 27/6 đến 24/7. Sau giao dịch, Chứng khoán Bản Việt đã trở thành cổ đông lớn nắm giữ 9,3% vốn DIG, tương đương 22,25 triệu cp.**

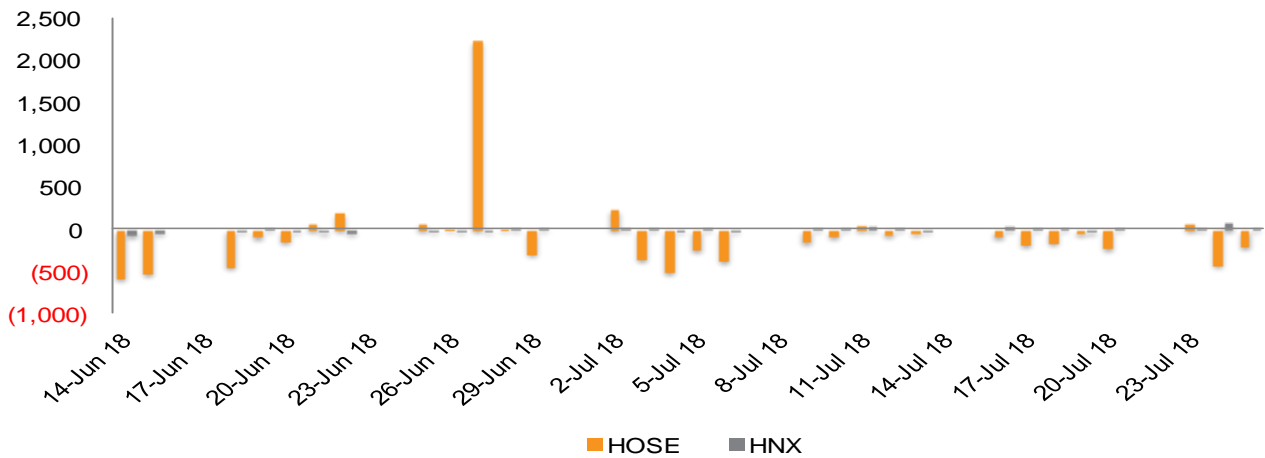
**NLG - tăng kế hoạch lãi 2018 thêm 42%, sẽ xem xét chia cổ tức bằng tiền - Kế hoạch lãi năm 2018 được Nam Long điều chỉnh dựa trên việc ký hợp tác phát triển 165 ha giai đoạn 1 dự án Waterpoint. Sau thay đổi này, dự kiến lợi nhuận 2018 tăng 63% so với kết quả thực hiện năm trước. Trong 6 tháng đầu năm, công ty đạt doanh thu thuần 1.410 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế công ty mẹ 215 tỷ đồng, tăng lần lượt 15% và 24% so với kế hoạch đề ra.**

**GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI**

KLGD (triệu CP)	so với phiên giao dịch trước		so với phiên giao dịch trước		GTGD (Tỷ đồng)	so với phiên giao dịch trước		so với phiên giao dịch trước	
	HOSE		HNX			HOSE		HNX	
<b>MUA</b>	9.2	-5.0%	0.7	-85.6%	<b>MUA</b>	453.5	4.9%	12.6	-85.3%
% of market	4.0%	0-Jan	1.5%	0-Jan	% of market	10.4%	0-Jan	2.6%	0-Jan
<b>BÁN</b>	17.0	-9.9%	0.8	-44.2%	<b>BÁN</b>	653.0	-23.1%	12.3	-49.7%
% of market	7.4%	0-Jan	1.8%	0-Jan	% of market	15.0%	0-Jan	2.6%	0-Jan
<b>MUA (BÁN) RÒNG</b>	<b>(7.82)</b>		<b>(0.1)</b>		<b>MUA (BÁN) RÒNG</b>	<b>(199.5)</b>		<b>0.2</b>	

Nguồn: HSX, HNX

**Diễn biến giao dịch ròng khối ngoại (Tỷ đồng)**



**LŨY KẾ 2018**

KLGD (triệu CP)	HOSE		HNX		GTGD (Tỷ đồng)	HOSE		HNX	
	% of 2017		% of 2017			% of 2017		% of 2017	
<b>MUA</b>	2,988.7	84.3%	305.9	76.3%	<b>MUA</b>	175,420.1	103.8%	5,738.6	68.9%
% of market	10.3%	0-Jan	3.8%	0-Jan	% of market	20.3%	0-Jan	3.4%	0-Jan
<b>BÁN</b>	2,711.3	83.2%	332.7	81.7%	<b>BÁN</b>	143,885.8	99.6%	6,525.0	75.7%
% of market	9.4%	0-Jan	4.1%	0-Jan	% of market	16.6%	0-Jan	3.9%	0-Jan
<b>MUA (BÁN) RÒNG</b>	<b>277.4</b>		<b>(26.8)</b>		<b>MUA (BÁN) RÒNG</b>	<b>31,534</b>		<b>(786.4)</b>	

Nguồn: HSX, HNX

**GIAO DỊCH KHỎI NGOẠI**

HOSE					
Nước ngoài mua nhiều nhất (giá trị)					Tỷ đồng
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị mua	Đóng góp Index
VNM	169,900	0	0.00	119.7	0.000
VRE	41,000	-650	-1.56	44.8	-0.398
MSN	81,000	500	0.62	36.7	0.187
FRT	73,500	0	0.00	36.5	0.000
HPG	35,500	100	0.28	28.7	0.068

Nước ngoài bán nhiều nhất (giá trị)						Tỷ đồng
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị bán	Đóng góp Index	
VRE	41,000	-650	-1.56	190.5	-0.398	
VNM	169,900	0	0.00	82.5	0.000	
HPG	35,500	100	0.28	81.1	0.068	
FRT	73,500	0	0.00	36.1	0.000	
TCB	26,750	350	1.33	25.1	0.394	

Top mua ròng						Tỷ đồng
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị mua ròng	Đóng góp Index	
VNM	169,900	0	0.00	37.1	0.000	
MSN	81,000	500	0.62	19.8	0.187	
DXG	24,100	0	0.00	9.0	0.000	
HCM	50,100	-3,400	-6.36	5.8	-0.142	
HAG	7,120	40	0.56	3.0	0.012	

Top bán ròng						VND'bn
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị bán ròng	Đóng góp Index	
VRE	41,000	-650	-1.56	-145.7	-0.398	
HPG	35,500	100	0.28	-52.5	0.068	
PVD	13,500	500	3.85	-19.5	0.062	
DPM	18,100	300	1.69	-18.7	0.038	
VJC	136,000	-1,600	-1.16	-14.2	-0.232	

25/07/2018

HNX					
Nước ngoài mua nhiều nhất (giá trị)					Tỷ đồng
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị mua	Đóng góp Index
PVS	17,400	-200	-1.14	6.2	0.000
PCG	19,600	-1,000	-4.85	2.0	0.000
DGC	34,000	0	0.00	1.5	0.000
BVS	17,700	-100	-0.56	0.6	0.000
SHS	13,300	-600	-4.32	0.5	0.000

Nước ngoài bán nhiều nhất (giá trị)						Tỷ đồng
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị bán	Đóng góp Index	
D11	13,100	300	2.34	9.3	0.000	
DGC	34,000	0	0.00	1.8	0.000	
BVS	17,700	-100	-0.56	0.3	0.000	
DGL	33,700	-100	-0.30	0.2	0.000	
HMH	13,200	0	0.00	0.2	0.000	

Top mua ròng						Tỷ đồng
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị mua ròng	Đóng góp Index	
PVS	17,400	-200	-1.14	6.0	0.000	
PCG	19,600	-1,000	-4.85	2.0	0.000	
SHS	13,300	-600	-4.32	0.5	0.000	
MBS	16,000	-200	-1.23	0.5	0.000	
LHC	61,800	1,800	3.00	0.3	0.000	

Top bán ròng						VND'bn
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị bán ròng	Đóng góp Index	
D11	13,100	300	2.34	-9.29	0.000	
DGC	34,000	0	0.00	-0.26	0.000	
DGL	33,700	-100	-0.30	-0.19	0.000	
AAV	21,000	-400	-1.87	-0.13	0.000	
HGM	45,000	500	1.12	-0.09	0.000	

Nguồn Bloomberg, HOSE, HNX

TOP 60 Cổ phiếu vốn hóa lớn nhất trên HOSE

CP	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá			Vốn hóa Tỷ đồng	SCP triệu CP	Freefloat %	% Room Khối ngoại	KLGDBQ 30 ngày	P/E x	P/B x	ROE %	ROA %
		1 tháng	3 tháng	6 tháng									
1 VIC	104,400	2.2	-0.5	47.7	333,205	3,192	49.3	25.4	1,588,545	69.1	9.4	15.2	2.2
2 VHM	106,500	-7.4	N/A	N/A	285,379	2,680	100.0	33.1	340,593	45.3	3.1	N/A	N/A
3 VNM	169,900	-3.4	-6.1	-19.8	246,567	1,451	43.9	40.6	664,440	27.3	9.6	35.8	30.3
4 VCB	55,300	-6.7	-5.0	-20.0	198,957	3,598	22.9	9.3	2,295,694	17.6	3.4	20.5	1.2
5 GAS	83,700	-7.0	-30.1	-28.1	160,198	1,914	4.2	45.5	588,708	14.5	3.7	27.5	17.8
6 SAB	207,000	-7.0	-5.5	-17.9	132,745	641	10.4	39.3	64,857	28.6	9.2	34.8	23.8
7 TCB	26,750	-15.5	N/A	N/A	93,534	3,497	100.0	0.0	1,964,142	10.4	3.0	27.7	2.6
8 MSN	81,000	-1.8	-9.2	-16.9	85,313	1,053	42.9	20.3	859,074	15.1	5.7	24.3	5.7
9 CTG	22,800	-12.3	-19.3	-16.5	84,894	3,723	15.8	0.0	5,186,016	10.8	1.3	12.6	0.7
10 BID	23,600	-15.1	-35.3	-27.4	80,682	3,419	4.4	27.6	3,355,009	11.6	1.7	15.1	0.6
11 VRE	41,000	0.7	-9.9	-25.5	77,944	1,901	100.0	16.9	1,287,930	51.8	3.0	5.7	5.6
12 HPG	35,500	-13.6	-7.1	-22.2	75,399	2,124	55.8	10.0	5,336,616	8.9	2.2	29.8	18.1
13 VJC	136,000	-5.6	-15.0	-14.1	73,659	542	53.2	5.7	558,280	14.4	7.0	67.1	19.7
14 PLX	56,900	-6.1	-1.4	-38.8	65,936	1,159	6.3	9.1	426,254	19.5	3.1	16.0	5.5
15 VPB	26,300	-17.8	-15.1	-13.3	63,726	2,423	75.8	0.0	4,375,413	9.9	2.3	26.9	2.5
16 BVH	75,000	-10.7	-19.4	-10.2	52,566	701	31.2	24.4	145,673	31.6	3.6	11.7	1.9
17 NVL	57,700	14.3	-12.7	-10.5	52,360	907	31.1	39.9	1,514,486	22.8	3.8	18.7	4.7
18 MBB	22,000	-6.2	-8.1	-16.9	47,530	2,160	61.2	0.0	5,375,901	10.4	1.6	15.2	1.5
19 MWG	110,500	-7.9	9.6	-13.1	35,679	323	85.7	0.0	658,079	14.0	4.9	42.1	13.0
20 HDB	33,500	-9.0	-20.6	-28.7	32,863	981	100.0	3.1	1,312,816	17.0	2.3	14.9	1.0
21 FPT	42,400	-4.7	-11.3	-19.8	26,015	614	81.7	0.0	816,239	8.5	2.2	27.7	11.4
22 ROS	43,000	-6.5	-35.8	-68.5	24,407	568	27.0	46.7	727,143	31.1	4.3	14.7	8.6
23 STB	11,200	-6.7	-16.1	-28.7	20,201	1,804	94.0	13.6	4,472,241	13.6	0.9	6.4	0.4
24 BHN	82,200	-20.9	-17.0	-51.0	19,054	232	0.9	31.4	2,914	29.6	5.0	17.3	6.7
25 TPB	26,400	-5.0	-11.1	N/A	17,578	666	95.3	0.0	193,859	15.4	2.3	15.9	0.8
26 EIB	14,100	-1.7	-3.1	-9.9	17,335	1,229	83.8	0.0	213,071	15.3	1.2	8.0	0.8
27 PNJ	92,000	-10.0	-17.4	-3.8	14,917	162	64.1	0.0	521,355	18.0	4.7	32.8	19.6
28 HNG	16,400	67.3	89.2	79.2	14,544	887	44.8	56.2	4,085,760	23.4	1.3	5.0	1.7
29 SSI	26,500	-15.6	-23.9	-24.9	13,246	500	76.7	45.2	4,250,633	10.1	1.5	14.8	7.2
30 DHG	99,000	-4.8	-1.4	-2.8	12,944	131	31.9	53.1	198,346	24.5	4.4	18.4	14.1
31 KDH	30,100	-3.5	-17.5	-13.8	11,674	388	76.5	4.7	97,923	18.0	1.8	10.2	5.8
32 CTD	147,500	-5.0	10.8	-22.8	11,548	78	87.0	7.0	146,805	7.3	1.5	22.0	12.6
33 GEX	32,900	2.8	-7.6	1.2	11,147	339	73.6	46.8	296,747	10.9	2.0	22.3	6.9
34 REE	33,600	5.7	-2.7	-19.6	10,418	310	84.4	0.0	380,252	7.3	1.3	19.2	10.9
35 VCI	53,200	-16.4	-18.9	-17.5	8,618	162	95.1	7.9	127,187	12.4	2.9	30.5	13.9
36 TCH	24,150	12.1	-3.6	9.3	8,532	353	51.2	45.2	956,177	19.8	2.0	10.0	9.2
37 DXG	24,100	-17.9	-15.2	-5.1	8,250	342	70.0	4.1	4,141,183	8.4	2.0	24.6	10.9
38 SBT	16,200	3.5	-7.2	-26.2	8,026	495	47.4	92.8	1,792,579	15.4	1.3	8.6	3.6
39 NT2	26,200	-11.6	-17.4	-24.1	7,542	288	32.1	27.6	313,887	9.0	2.1	19.5	8.5
40 DPM	18,100	4.6	-5.2	-29.3	7,083	391	35.2	28.5	709,785	12.5	0.9	8.0	5.9
41 KDC	33,800	0.6	-5.6	-23.5	6,951	206	39.5	29.0	158,620	N/A	1.2	-1.0	-0.5
42 GMD	24,000	-7.0	-7.7	-34.1	6,919	288	59.6	0.0	313,157	4.1	1.2	29.8	16.8
43 YEG	251,400	-16.2	N/A	N/A	6,881	27	100.0	0.0	N/A	101.6	19.6	29.0	11.6
44 PDR	25,150	-19.4	-22.5	-22.1	6,700	266	37.8	41.7	983,363	12.5	2.3	19.7	5.5
45 VPI	41,800	N/A	N/A	N/A	6,688	160	100.0	38.8	N/A	9.7	3.6	38.8	13.1
46 HAG	7,120	40.4	31.9	-15.2	6,603	927	61.3	39.7	10,114,050	44.6	0.5	0.5	0.1
47 VHC	71,000	18.9	11.3	19.1	6,553	92	28.3	59.9	144,206	10.7	2.3	22.7	12.3
48 CII	26,500	0.2	-19.2	-31.0	6,532	246	88.2	14.1	838,150	21.9	1.3	6.1	1.5
49 HCM	50,100	-19.8	-27.4	-33.3	6,491	130	66.5	39.7	334,177	8.2	2.2	29.3	16.8
50 PAN	54,000	-11.3	-15.6	9.1	6,489	120	59.8	59.4	31,096	14.1	2.3	16.5	7.6
51 NLG	30,150	6.2	-5.2	7.0	6,328	210	63.3	0.0	449,214	10.8	2.1	19.1	7.9
52 PPC	18,000	2.3	-1.6	-11.8	5,771	321	24.7	33.7	239,591	5.9	1.0	16.1	10.8
53 KBC	12,000	-4.0	-4.0	-18.1	5,637	470	75.4	31.8	1,954,064	9.1	0.7	7.5	4.0
54 DCM	10,250	-5.1	-13.5	-27.3	5,426	529	24.4	44.9	277,402	10.0	0.9	8.7	4.9
55 PME	70,000	-5.4	-4.2	-5.4	5,251	75	99.0	0.0	9,768	16.2	3.3	19.3	16.0
56 LGC	27,000	0.4	1.9	29.2	5,207	193	N/A	4.0	61	31.3	2.1	6.9	1.8
57 PVD	13,500	0.0	-23.3	-54.4	5,168	383	48.1	26.0	945,106	N/A	0.4	0.1	0.0
58 FRT	73,500	-7.0	-16.7	N/A	4,998	68	92.2	2.0	27,263	17.8	6.3	42.9	6.8
59 TLG	94,000	-4.6	-3.3	-5.1	4,752	51	26.7	72.1	549	19.2	4.3	23.6	18.8
60 HT1	12,300	3.8	-4.3	-24.1	4,693	382	20.0	43.1	107,135	8.0	0.9	8.7	4.1

Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi. Sales&Trading VNDIRECT không chịu trách nhiệm về độ chính xác hay đầy đủ của những thông tin này.

**KHUYẾN CÁO**

Báo cáo này được viết và phát hành bởi bộ phận Sales&Trading – Công ty Cổ Phần Chứng Khoán VNDIRECT. Báo cáo này không trực tiếp hoặc ngụ ý dùng để phân phối, phát hành hay sử dụng cho bất kỳ cá nhân hay tổ chức nào là công dân hay thường trú hoặc tạm trú tại bất kỳ địa phương, lãnh thổ, quốc gia hoặc đơn vị có chủ quyền nào khác mà việc phân phối, phát hành hay sử dụng đó trái với quy định của pháp luật.

Báo cáo này được cung cấp trên cơ sở được đảm bảo tính bảo mật. Người sử dụng không được phép (i) sao chép hoặc lưu trữ dưới bất kỳ hình thức (ii) truyền tay hoặc phân phối, trực tiếp hoặc gián tiếp, từng phần hay toàn bộ báo cáo, cho bất kỳ ai mà không có sự đồng ý bằng văn bản của VNDIRECT.

Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về độ chính xác hay đầy đủ của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của VNDIRECT và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của Công ty Cổ phần Chứng Khoán VNDIRECT tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào sự tư vấn độc lập và phù hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư cá biệt, VNDIRECT không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức.

**VNDIRECT SALES & TRADING****Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT**

Số 1 – Nguyễn Thượng Hiền – Hà Nội

Điện thoại: +84 439724568

Máy lẻ: 12560

Email : [phong.sale.trading@vndirect.com.vn](mailto:phong.sale.trading@vndirect.com.vn)

Website: <http://vndirect.com.vn>